TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 329/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2025
"V/v Tranh chấp HNGĐ - xin ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thúy An
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Mẫn
Bà Trần Thị Mộng Tưởng

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thái Trang - Là Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Bùi Nhất Nguyên - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 416/2025/TLST - HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình - xin ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 20 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Chị Đoàn Thị Út D - sinh năm: 1981. (Có đơn xin vắng mặt)

-*Bị đơn*: Anh Danh T - sinh năm: 1981. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Kinh Xuôi, xã Ngọc Thành, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Nay là ấp Kinh Xuôi, xã Ngọc Chúc, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn - chị Đoàn Thị Út D trình bày:

Chị D và anh T tự tìm hiểu nhau khoảng 01 năm được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2001. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện G. Sau đó vợ chồng hạnh phúc gần 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do không phù hợp tính ý. Cuộc sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm cuộc sống, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn trong thời gian dài, đã ly thân gần 05 năm, không còn quan tâm chăm sóc nhau.

Về con chung: Theo chị D trình bày và giấy khai sinh có cơ sở xác định chị D có 03 con chung tên Thị T1 - sinh ngày: 27/4/2002, Danh C - sinh ngày: 24/02/2004 và Thị Khánh B - sinh ngày: 30/10/2006. Hiện cháu T1, cháu C và

cháu B đều trưởng thành và có gia đình riêng, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Danh T đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị D.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án. Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, và phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và tiến hành trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị D cương quyết yêu cầu ly hôn, anh T không có ý kiến và không đưa ra được giải pháp để hàn gắn mâu thuẫn, anh chị đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay nên đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Đoàn Thị Út D được ly hôn với anh Danh T.

Về con chung: Theo chị D trình bày và giấy khai sinh có cơ sở xác định chị D và anh T có 03 con chung là Thị T1 - sinh ngày: 27/4/2002, Danh C - sinh ngày: 24/02/2004 và Thị Khánh B - sinh ngày: 30/10/2006. Hiện cháu T1, cháu C và cháu B đều trưởng thành và có gia đình riêng, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ chung, đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí, chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Đoàn Thị Út D yêu cầu ly hôn với anh Danh T. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình - xin ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại xã N, tỉnh An Giang nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Chị D có

đơn xin vắng mặt tại phiên tòa do bận công việc. Xét thấy sự vắng mặt của các đương sự không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân:

Chị Đoàn Thị Út D và anh Danh T cưới nhau vào năm 2001, anh chị có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị D xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có sự tin tưởng, quan tâm chăm sóc nhau. Chị và anh T đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*.....". Anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không sống chung trong một khoảng thời gian dài, không quan tâm, chăm sóc nhau.

Quá trình giải quyết vụ án, anh T không trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị D và không đến Tòa án tham gia tố tụng. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh chị ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận cho chị Đoàn Thị Út D được ly hôn với anh Danh T.

[2.2] Về con chung:

Theo lời trình bày của chị D và giấy khai sinh có cơ sở xác định chị D và anh T có 03 con chung là Thị T1 - sinh ngày: 27/4/2002, Danh C - sinh ngày: 24/02/2004 và Thị Khánh B - sinh ngày: 30/10/2006. Hiện cháu T1, cháu C và cháu B đều trưởng thành và có gia đình riêng, chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Đoàn Thị Út D phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 68 ngày 09/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Đoàn Thị Út D được ly hôn với anh Danh T.

2. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị Đoàn Thị Út D phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 68 ngày 09/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho chị D và anh T biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSNDKV5-AG;
- Phòng THADS KV5-AG;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thúy An